TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2025/LĐ-ST
Ngày: 03 – 6 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An;

2. Ông Huỳnh Văn Thức - Công chức tư pháp phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 188/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về "tranh chấp về hợp đồng lao động", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2025/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Tổ C, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Anh L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hoặc Bà Lê Thị Như Q, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ F, khu phố D, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương; hoặc ông Trần Minh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (theo Giấy ủy quyền ngày 17/3/2025). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ B, V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; tạm trú: Số I khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH V; mã doanh nghiệp: 3700469441; trụ sở: Thửa đất số 673, tờ bản đồ số 13, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà CHIANG MEI LIEN. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương - người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H - Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**) Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:*

Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà được Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo thời điểm từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 bà có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH V nên Công ty TNHH V có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà. Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên bà đang làm việc cho công ty khác nên cùng một khoảng thời gian nhưng bà được đóng bảo hiểm tại hai công ty. Do đó, đến nay bà không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được.

Nguyên nhân sự việc như sau: Vào khoảng tháng 01 năm 2009 bà có cho em họ tên Trần Thị Mỹ C mượn giấy chứng minh nhân dân của mình để làm hồ sơ xin việc. Sau đó bà Trần Thị Mỹ C được Công ty TNHH V ký kết hợp đồng lao động với tên của bà (Nguyễn Thị Ngọc B) và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 thì nghỉ việc.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa Trần Thị Mỹ C và Công ty TNHH V là sai quy định, đã vi phạm quyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà được pháp luật bảo vệ.

Do đó, bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết:

Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị Ngọc B (do Trần Thị Mỹ C là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH V trong khoảng thời gian làm từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ.

Việc cho bà Trần Thị Mỹ C sử dụng chứng minh nhân dân của mình để làm việc tại Công ty TNHH V dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bản sao CCCD, Sổ Bảo hiểm xã hội.

**) Quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị Mỹ C trình bày*:

Khoảng tháng 01 năm 2009, bà Trần Thị Mỹ C có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Ngọc B để làm hồ sơ xin việc làm. Sau đó, bà Trần Thị Mỹ C đã sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Ngọc B để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH V. Bà Trần Thị Mỹ C làm việc tại Công ty TNHH V từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại đây thì công ty có tham gia và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Mỹ C.

Sau khi nghỉ việc thì Công ty V đã chốt sổ bảo hiểm, tuy nhiên bà Trần Thị Mỹ C về quê sinh sống không nhận lại sổ Bảo hiểm xã hội và từ bỏ, cũng không còn quan tâm đến việc nhận trợ cấp liên quan đến bảo hiểm xã hội.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Mỹ C không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu phản tố trong vụ án, từ chối nhận các quyền lợi liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng ký kết với Công ty TNHH V với tên Nguyễn Thị Ngọc B, đồng thời bà Trần Thị Mỹ C yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các phiên tòa xét xử đối với vụ án.

**) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH V trình bày:* Qua kiểm tra xác định từ tháng 01 năm 2009, bà Nguyễn Thị Ngọc B có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH V GARMENTS đến tháng 6 năm 2009 thì nghỉ việc. Quá trình bà Nguyễn Thị Ngọc B làm việc tại Công ty, do số lượng nhân công nhiều nên Công ty không biết được bà Trần Thị Mỹ C mượn giấy tờ của bà Nguyễn Thị Ngọc B để làm hồ sơ xin việc vào công ty nên vẫn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho bà Trần Thị Mỹ C (với tên ký hợp đồng là Nguyễn Thị Ngọc B) theo quy định của pháp luật bảo hiểm. Sau khi bà Trần Thị Mỹ C nghỉ việc, công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ các chế độ cho bà Trần Thị Mỹ C theo quy định. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì công ty đồng ý tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị Ngọc B (do Trần Thị Mỹ C là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH V trong khoảng thời gian làm từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án và không yêu cầu đối với những khoản bảo hiểm đã chi trả cho cơ quan bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Mỹ C bằng tên Nguyễn Thị Ngọc B.

**) Đại diện hợp pháp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, là ông Phan Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) của Công ty TNHH V cho người lao động thì Công ty TNHH V có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 28/8/1986, CMND số 351682046 với mã số Bảo hiểm xã hội 7409124639 từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009, đã chốt sổ bảo hiểm xã hội.

Cùng thời điểm tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009, bà Nguyễn Thị Ngọc B còn được Công ty TNHH H1 tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ BHXH số 9105118446, đã chốt sổ bảo hiểm xã hội.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B thì Bảo hiểm xã hội thành phố T không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Trần Thị Mỹ C có địa chỉ tạm trú: Số I khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp về hợp đồng lao động" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH V với bà Nguyễn Thị Ngọc B (do bà Trần Thị Mỹ C mượn chứng minh nhân dân giao kết hợp đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả tra cứu, đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) của Công ty TNHH V thể hiện Công ty TNHH V có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009. Theo dữ liệu do BHXH thành phố T cung cấp thể hiện mức lương chính và mức đóng BHXH tương ứng với từng mốc thời gian. Do đó, có căn cứ xác định bà Trần Thị Mỹ C có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị Ngọc B như sau:

Mã số Bảo hiểm xã hội 7409124639 tham gia từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 tại Công ty TNHH V.

Cùng trong khoảng thời gian trên, mã số BHXH 9105118446 tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H1.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho thấy: Bà Trần Thị Mỹ C do không hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Ngọc B ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH V từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009. Khi ký kết hợp đồng lao động cũng như quá trình làm việc, bà Trần Thị Mỹ C cố tình che dấu việc sử dụng hồ sơ xin việc giả nên công ty không phát hiện nên vẫn ký hợp đồng và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động thể hiện tại Sổ bảo hiểm xã hội số 7409124639.

Thực tế, trong khoảng thời gian trên, bà Nguyễn Thị Ngọc B đang làm việc tại Công ty TNHH H1 và được Công ty TNHH H1 tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ BHXH số 9105118446, dẫn đến việc bà Nguyễn Thị Ngọc B trong cùng một khoảng thời gian được hai Công ty tham gia bảo hiểm xã hội.

[3.3] Việc bà Trần Thị Mỹ C sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị Ngọc B để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

[3.4] Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B (do bà Trần Thị Mỹ C mượn tên) với Công ty TNHH V trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3.5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; bị đơn, không yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án. Mặc dù các đương sự đã được Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc "tranh chấp về hợp đồng lao động" đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ C.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B *(do bà Trần Thị Mỹ C ký kết)* với Công ty TNHH V trong thời gian từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 6 năm 2009 vô hiệu.

3. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Cơ quan BHXH có thẩm quyền thực hiện các chế độ BHXH đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 28/8/1986, CMND số 351682046, số Sổ BHXH 9105118446 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001091 ngày 01/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tố Uyên